

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Tấn

Ông Nguyễn Xuân Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐM, xã TD, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Loan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐM, xã TD, huyện TH, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị La Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện qua thời gian tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 17/11/1999 tại UBND xã TD, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn ĐM, xã TD, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Diệu L1, sinh ngày 14/4/2000 và Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 19/7/2011. Hiện nay cháu L1 đã

trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị La Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã TD vào ngày 17/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thôn ĐM, xã TD, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L có quan hệ tình cảm với người khác, sau đó vợ chồng chung sống bình thường với nhau. Đến năm 2013 thì chị L vẫn không thay đổi, có quan hệ tình cảm với người khác. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến tháng 4/2020 thì vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị Loan cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Diệu L1, sinh ngày 14/4/2000 và Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 19/7/2011. Hiện nay cháu L1 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi cháu T1 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/4/2023 cháu Lê Thị Huyền T1 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 29/4/2023 thể hiện: Về hôn nhân: chị L và anh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn ngày 17/11/1999 tại UBND xã TD. Quá trình chung sống hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn do vậy hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, cuộc sống của ai người đầy tự lo, không ai quan tâm đến ai. Về con chung: anh T, chị L có 02 con chung là Lê Diệu L1, sinh ngày 14/4/2000 và Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 19/7/2011. Hiện nay cháu Linh đã trưởng thành. Đối với cháu T1 còn nhỏ, vợ chồng ly hôn việc giao con cho ai nuôi dưỡng là do quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Về thu nhập: Anh T là lao động tự do, làm gì không rõ, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, còn chị L làm ở Quỹ tín dụng nhân dân Duy Thanh tại xã Thiệu Duy, thu nhập 10.456.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh Lê Xuân T cung cấp tài liệu liên quan đến điều kiện nuôi con nhưng đã hết thời hạn yêu cầu mà anh Thắng không giao nộp được.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung nguyện vọng được giao cháu Lê Thị Huyền T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh

T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị La Thị L và anh Lê Xuân T.

Về con chung: Anh T, chị L có 02 con chung là Lê Diệu L1, sinh ngày 14/4/2000 và Lê Thị Huyền T, sinh ngày 19/7/2011. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị L đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1, cháu T1 có nguyện vọng ở với mẹ. Xét nguyện vọng và thực tế nuôi dưỡng nên giao cháu Lê Thị Huyền T1 cho chị L là phù hợp.

Về tài sản và công nợ: Chị L và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị La Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị La Thị L và anh Lê Xuân T là Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn ĐM, xã TD, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị La Thị L và anh Lê Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có hành động gì thể hiện thiện chí và khi chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* *Về con*: Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Diệu L1, sinh ngày 14/4/2000 và Lê Thị Huyền T, sinh ngày 19/7/2011. Ly hôn quan điểm của anh, chị là được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Huyền T1. Mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu T1 ở cùng với mẹ, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Về nguyện vọng nuôi con của anh, chị là chính đáng. Tuy nhiên về thu nhập hiện tại thì chị L làm ở Quỹ tín dụng nhân dân Duy

Thanh, có thu nhập ổn định, còn anh T quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu thể hiện về điều kiện nuôi con thì anh T không giao nộp được. Xét nguyện vọng của anh chị, cháu T1 và điều kiện thực tế, để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập của cháu T1 nên giao cho chị L nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Anh Lê Xuân T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị La Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 55; 57; 81; 82;83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị La Thị L và anh Lê Xuân T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Công nhận 02 cháu Lê Diệu L1, sinh ngày 14/4/2000 và Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 19/7/2011 là con chung của chị L và anh T. Cháu Lê Diệu L1 đã trưởng thành nên không xem xét. Giao cháu Lê Thị Huyền T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị La Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0006183 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- UBND xã TD;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Liên